

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THOẠI SƠN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 24/06/2021

V/v “*Tranh chấp về Hôn nhân và
gia đình - Ly hôn, nuôi con khi ly
hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Thu Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Hoàng
2. Ông Nguyễn Văn Hòa

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Đào Công Minh - Thư ký Tòa
án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn tham gia phiên tòa: Bà
Phan Thị Dáng Hương - Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 06 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn
xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 78/2020/TLST-HNGĐ ngày 09/3/2021 về
việc “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con khi ly hôn*” theo
Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 111/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/5/2021,
giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Minh L, sinh năm 2000. (Có mặt)

Địa chỉ: ấp Bàu Chứa, xã Hưng Điền 1, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An

- Bị đơn: Anh Trương Thanh T, sinh năm 1990. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Hòa Đông, thị trấn Phú Hòa, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên
tòa, nguyên đơn chị Bùi Thị Minh L trình bày:* Chị và anh T tự tìm hiểu, được cha

mẹ hai bên đồng ý tổ chức lễ cưới vào năm 2019, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Phú Hòa, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, sau đó kinh tế khó khăn, mâu thuẫn trầm trọng, thường xuyên cãi nhau, tính tình không còn phù hợp, anh chị không còn tình cảm với nhau và đã không sống chung từ năm 2020, từ đó tới giờ anh chị cũng không thể hàn gắn thấy cuộc sống chung vợ chồng không thể kéo dài nên chị L yêu cầu được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Có 01 người con chung Trần Ngọc Như T, sinh ngày 19/12/2019, cháu đang sống với chị L cho đến nay. Khi giải quyết ly hôn, chị L yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Anh Trương Thanh T trong quá trình giải quyết vụ án đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý và đã được triệu tập hợp lệ đến Tòa án để làm việc nhưng anh T vẫn vắng mặt không lý do chính đáng nên không ghi được ý kiến của anh T và không tiến hành hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Việc Tòa án tiến hành thụ lý giải quyết là đúng theo trình tự thủ tục và thẩm quyền, trong quá trình tiến hành tố tụng Thẩm phán cũng như Hội đồng xét xử tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự trong vụ án cũng thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật, căn cứ hồ sơ vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị L làm đơn yêu cầu được ly hôn với anh Trương Thanh T có địa chỉ: Ấp Hòa Đông, thị trấn Phú Hòa, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Tại phiên tòa hôm nay, anh T đã được Tòa án tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và triệu tập hợp lệ để dự phiên Tòa, nhưng anh T vẫn vắng mặt không lý do, chị Bùi Thị Minh L có đơn xin xét xử vắng mặt vì đang làm việc tại vùng có dịch bệnh Covid- 19 thực hiện giãn cách xã hội nên không đến được, căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị L và anh T.

[2] Về nội dung: Chị Bùi Thị Minh L và anh Trương Thanh T sống chung với nhau vào năm 2004, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu của chị L, Hội đồng xét xử xét thấy vợ chồng chị L và anh T chung sống với nhau hạnh phúc thời gian đầu, sau đó đã xảy ra mâu thuẫn, cả hai thường xuyên cãi vã, nguyên nhân tính tình không còn phù hợp, anh chị không còn tình cảm với nhau và đã không sống chung từ năm 2009, từ đó tới giờ anh chị cũng không thể hàn gắn vì anh T không thay đổi, nhận thấy cuộc sống chung vợ chồng không thể kéo dài nên chị L yêu cầu được ly hôn với anh T. Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết, đã tạo điều kiện cho chị L và anh T hàn gắn nhưng anh T đều không đến điều này thể hiện tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh T mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, có đủ căn cứ để áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L.

Về con chung: Có 01 người con chung Trần Ngọc Như T, sinh ngày 19/12/2019, cháu đã sống với chị L từ khi ly thân cho đến nay. Khi giải quyết ly hôn, chị L yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, từ khi chị L và anh T không còn sống chung thì con chung do chị L là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng ổn định, cuộc sống đã thích nghi với môi trường sống hiện tại và quyền lợi mọi mặt của cháu được đảm bảo. Do vậy, để tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển bình thường về thể chất và tinh thần của con, chấp nhận cho chị L tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con. Chị L phải tạo điều kiện cho anh T được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung. Vì lợi ích của con, khi cần

thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết

[3] Về án phí sơ thẩm: Chị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 8, Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Bùi Thị Minh L.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Minh L được ly hôn với anh Trương Thanh T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 70, ngày 15/8/2019 của Ủy ban nhân dân thị trấn Phú Hòa, huyện Thoại Sơn đã cấp cho chị Bùi Thị Minh L và anh Trương Thanh T không còn giá trị pháp lý.

Về quan hệ con chung: Chị Bùi Thị Minh L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Trần Ngọc Như T, sinh ngày 19/12/2019, anh Trương Thanh T không phải cấp dưỡng.

Anh T không trực tiếp nuôi dưỡng con chung nhưng chị có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án xem xét và quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét

Về nợ chung: Ghi nhận chị L và anh T xác định không có nợ chung nhưng sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của anh, chị trong thời kỳ sống chung thì chị L và anh T vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

Về án phí: Chị Bùi Thị Minh L phải chịu án phí Hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai số 0008222 ngày 09/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Thoại Sơn;
- Chi cục THADS huyện Thoại Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Thu Hằng